

Số: **2149** /QĐ-TLĐ

Hà Nội, ngày **22** tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong hoạt động công đoàn của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đến năm 2026, tầm nhìn đến năm 2030

ĐOÀN CHỦ TỊCH TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Công đoàn và Điều lệ Công đoàn Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 12/6/2021 của Bộ Chính trị về đổi mới tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam trong tình hình mới;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ Quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Nghị định số 82/NĐ-CP ngày 10/7/2024 sửa đổi bổ sung một số Điều của Nghị định số 73/2019/-NĐ-CP.

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 về việc phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 về việc phê duyệt chiến lược kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2025; Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 về việc phê duyệt chiến lược chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2025;

Căn cứ Thông báo số 642/TB-TLĐ ngày 12/7/2022 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam kết luận của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đồng ý và thống nhất chủ trương ban hành Đề án Chuyển đổi số trong hoạt động công đoàn của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam giai đoạn 2022-2025 và tầm nhìn 2030;

Căn cứ Đề án Chuyển đổi số trong hoạt động công đoàn của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam giai đoạn 2022-2025 và tầm nhìn 2030 do Công ty Cổ phần TECKAD lập; Báo cáo kết quả thẩm định của Tổ thẩm định Đề án;

Căn cứ Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 16/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Đề án chuyển đổi số của các Bộ, ngành, địa phương;

Căn cứ Thông báo số 717/TB-TLĐ ngày 06/12/2022; Thông báo số 786/TB-TLĐ ngày 23/3/2023; Thông báo số 892/TB-TLĐ ngày 11/8/2023; Thông báo số



165/TB-TLĐ ngày 15/10/2024 kết luận cuộc họp giao ban Thường trực Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn;

Xét đề nghị của Văn phòng và Ban Tài chính Tổng Liên đoàn,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong hoạt động công đoàn của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đến năm 2026, tầm nhìn đến năm 2030 (gọi tắt là Đề án), với các nội dung sau đây:

I. MỤC TIÊU ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu chung

- Sử dụng công nghệ số và dữ liệu số để chuyển đổi các hoạt động của Công đoàn các cấp phù hợp với yêu cầu quản lý và mức độ bảo mật thông tin lên môi trường số, nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng toàn bộ hệ thống công đoàn.

- Xây dựng nền tảng lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn tập trung: Dựa trên công nghệ mới hiện đại nhằm đáp ứng được các ứng dụng về Big Data, AI, Machine...

- Các cấp Công đoàn có thể kết nối trực tiếp với đoàn viên.

- Xử lý công việc được chính xác, nhanh chóng, kịp thời và đầy đủ.

- Nâng cao năng suất lao động, tối ưu hóa hiệu quả.

- Đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

- Lấy đoàn viên công đoàn là trung tâm trong hoạt động chuyển đổi số của công đoàn nhằm bảo vệ các quyền lợi, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên một cách nhanh chóng, chính xác và hiệu quả.

- Tất cả đoàn viên, cán bộ công chức công đoàn được gắn định danh số để đăng nhập, sử dụng các dịch vụ số hỗ trợ.

Đề án chú trọng đến 04 yếu tố:

*** Con người:**

Chuyển đổi tư duy nhận thức, chuyển đổi năng lực, kỹ năng sáng tạo, phù hợp với môi trường công đoàn số.

Chuyển đổi cách thức phối hợp thực hiện giữa các cấp công đoàn, các bộ phận trong cùng một cấp công đoàn.

*** Quy trình:**

- Đổi mới, sáng tạo quy trình nghiệp vụ trên môi trường số.

- Tận dụng giá trị dữ liệu số.

*** Công nghệ:**

Áp dụng các công nghệ mới AI, Big data, Machine Learning... trong phân tích dữ liệu và hỗ trợ ra quyết định.

*** Dữ liệu:**

Tạo lập dữ liệu số trên nền tảng dữ liệu lớn, hiểu và phân tích được dữ liệu hỗ trợ ra quyết định chỉ đạo điều hành kịp thời. Đảm bảo an ninh bảo mật dữ liệu số.

2. Mục tiêu đến năm 2027

Mục tiêu đến năm 2027 cơ bản hoàn thành các dịch vụ đoàn viên số, hoạt động số hoá báo cáo thống kê công đoàn, hoạt động chuyển đổi số nghiệp vụ công đoàn:

- Tạo lập dữ liệu số đoàn viên.
- Tối đa các dịch vụ hỗ trợ đoàn viên.
- Gia tăng sự tương tác, các kênh giao tiếp cho đoàn viên.
- Hỗ trợ các hoạt động nghiệp vụ công đoàn các cấp trên môi trường số.
- Nâng cao chất lượng phục vụ đoàn viên của công đoàn.
- Nâng cao năng suất, hiệu quả xử lý công việc của hệ thống công đoàn.
- Xây dựng báo cáo số kịp thời, đa chiều, linh động, chủ động cho lãnh đạo công đoàn các cấp.
- Cập nhật thông tin về đoàn viên chính xác, nhanh chóng hỗ trợ lãnh đạo công đoàn các cấp ra các quyết định chỉ đạo điều hành.

Ưu tiên các mục tiêu dưới để đưa vào áp dụng sớm trong giai đoạn đến 2025:

- Xử lý văn bản điều hành không giấy.
- Các cuộc họp, hội nghị được thực hiện trên môi trường số, không tiếp xúc
- Sử dụng hoàn báo cáo số, các giao dịch kế toán, kinh phí công đoàn có thể được thực hiện trên các cổng thanh toán điện tử.

2.1. Giai đoạn 2024-2026

- 100% cán bộ công đoàn các cấp được tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong việc đổi mới phương thức làm việc theo hướng điện tử hóa.
- 100% cán bộ công đoàn các cấp được gắn định danh số để đăng nhập 1 lần cho tất cả các ứng dụng thống nhất trên Cổng thông tin điện tử Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc trên app trong xử lý công việc, nghiệp vụ.
- 100% tỷ lệ cơ quan thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cung cấp dịch vụ 24/7, sẵn sàng phục vụ trực tuyến bất cứ khi nào công đoàn cơ sở và các đoàn viên yêu cầu hỗ trợ, xử lý công việc.
- 100% công đoàn các cấp triển khai hệ thống quản lý văn bản - điều hành và ký số bởi chữ ký số chuyên dùng.
- 90% tỷ lệ hồ sơ công việc tại Liên đoàn Lao động cấp tỉnh và tương đương; 80% hồ sơ công việc tại Liên đoàn Lao động cấp huyện và tương đương và hồ sơ công việc tại Công đoàn cơ sở được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).
- 80% các đề nghị chi, duyệt chi của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam được thực hiện trực tuyến trên hệ thống tài chính kế toán mới.

- 50% tỷ lệ hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 80% thông tin đoàn viên công đoàn được cập nhật và xác thực trên ứng dụng Quản lý đoàn viên được thực hiện trên phần mềm, app.

- 50% các cuộc họp của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành thực hiện bằng hình thức trực tuyến. 50% các lớp tập huấn, bồi dưỡng sử dụng hội nghị đào tạo trực tuyến.

- 90% công tác Quản lý tài sản công đoàn, quản lý vốn đầu tư được thực hiện trên phần mềm mạng.

- 70% quá trình Quản lý thi đua - khen thưởng được thực hiện trên hệ thống phần mềm.

Giai đoạn 2024-2026 tập trung chuyển đổi số về lĩnh vực tài chính và quản lý tổ chức của công đoàn.

2.2. Giai đoạn năm 2027

- 100% báo cáo của công đoàn các cấp được thực hiện và báo cáo trên hệ thống phần mềm thống kê công đoàn.

- 80% nghiệp vụ nắm bắt thông tin và dư luận xã hội được thực hiện trên phần mềm hệ thống.

- 100% hoạt động đào tạo, tuyên truyền có sử dụng sách nói hoặc thư viện điện tử.

- 100% thỏa ước lao động tập thể được lưu, quản lý, khai thác trên hệ thống Thư viện thỏa ước.

- 100% các vụ đình công, đối thoại dân chủ được cập nhật, khai thác nhanh chóng, kịp thời trên phần mềm.

- 100% các hoạt động chăm lo đời sống, phúc lợi, an toàn vệ sinh cho người lao động được cập nhật, khai thác nhanh chóng, kịp thời trên phần mềm.

- 100% quá trình nghiệp vụ công tác pháp chế; tư vấn pháp lý và tham gia tố tụng được lưu trữ, khai thác, quản lý trên phần mềm.

- 100% thông tin hoạt động đối ngoại của Công đoàn Việt Nam được số hóa trên hệ thống phần mềm.

- 70% công tác kiểm tra, giám sát và hệ thống mẫu biểu được thực hiện lưu trữ, khai thác trên phần mềm.

- 100% các công tác thống nữ công quân chúng được thực hiện, khai thác trực tuyến trên kênh tương tác.

- 100% thông tin công đoàn viên được số hóa và xác thực và khai thác trên cơ sở dữ liệu đoàn viên.

- 50% tỷ lệ công tác báo cáo được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

3. Mục tiêu đến năm 2030

- Hình thành toàn diện hệ sinh thái công đoàn số, tiến tới kết nối mạng xã hội của đoàn viên, kết nối các sàn thương mại điện tử, các chợ đoàn viên... tạo sân chơi cho đoàn viên, gia tăng các dịch vụ tiện ích cho đoàn viên.

Đề khai thác tối đa sức mạnh của đoàn viên và gia tăng ngày càng nhiều các dịch vụ hỗ trợ cho đoàn viên, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có thể hình thành 1 mô hình hợp tác trong tương lai. Trong đó, mô hình có sự tham gia của các đơn vị cung cấp các sản phẩm dịch vụ.. (bên thứ 3), đối tượng sử dụng dịch vụ chính là các đoàn viên trải dài khắp các địa bàn trên cả nước, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam là đơn vị sẽ vận hành mô hình hợp tác.

- Hoàn thiện công tác nghiệp vụ của công đoàn.

- Áp dụng các ứng dụng về Big Data, AI, Machine Learning để tổng hợp báo cáo, thông tin, hỗ trợ ra quyết định.

II. NHIỆM VỤ CỦA ĐỀ ÁN

1. Chuyển đổi nhận thức

- Các cấp công đoàn trực thuộc Công đoàn Việt Nam đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của lãnh đạo, cán bộ công đoàn các cấp trực thuộc; đề xuất, báo cáo đảng ủy cùng cấp để phối hợp với chuyên môn tổ chức phổ biến, quán triệt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và các quy định của Tổng Liên đoàn; gắn mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ... của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

- Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng; các hội nghị, hội thảo giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ công đoàn các cấp nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

- Xây dựng các chuyên mục tuyên truyền về kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số của Công đoàn Việt Nam trên cổng thông tin điện tử của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

- Tổ chức phổ biến kỹ năng số cơ bản cho đoàn viên, người lao động như: truy cập và sử dụng Internet; thư điện tử; mua bán trực tuyến; thanh toán điện tử; dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân.

2. Xây dựng quy định, quy chế mới

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định của Tổng Liên đoàn, của pháp luật liên quan yêu cầu đến quá trình chuyển đổi số trong Công đoàn Việt Nam.

- Đề xuất Tổng Liên đoàn cho phép thử nghiệm sản phẩm, giải pháp, dịch vụ từ đó đề xuất hoàn thiện quy định pháp lý.

- Xây dựng các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ về lưu trữ điện tử và quản lý tài liệu lưu trữ điện tử cho các công đoàn trực thuộc đáp ứng các yêu cầu, quy định của pháp luật và bảo đảm giải pháp chia sẻ dữ liệu dùng chung để trao đổi chia sẻ thông tin điện tử theo yêu cầu.

- Xây dựng quy định về chia sẻ thông tin, dữ liệu của hệ thống Công đoàn Việt Nam; xây dựng các quy định về chế độ báo cáo thống kê điện tử.

3. Phát triển hệ sinh thái số Công đoàn Việt Nam.

Công đoàn các cấp tiến hành chuyển đổi số thông qua việc sử dụng nguồn lực, hệ thống kỹ thuật sẵn có để số hóa toàn bộ tài sản thông tin cấp mình, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, cơ cấu tổ chức và chuyển đổi các mối quan hệ từ môi trường truyền thống sang môi trường số.

3.1. Nền tảng số

Tổ chức, triển khai nền tảng số Công đoàn Việt Nam trên cơ sở chức năng dùng chung, dữ liệu tập trung. Phân cấp, phân quyền sử dụng cho từng đối tượng trong nền tảng.

3.2. Phát triển ứng dụng số và dữ liệu số

Tổ chức, triển khai các hệ thống ứng dụng số và dữ liệu số, sử dụng hạ tầng số để đổi mới phương thức hoạt động nhằm đạt hiệu quả cao nhất với từng nhóm công đoàn viên, quản lý công đoàn, lãnh đạo công đoàn.

3.3. Phát triển hạ tầng kỹ thuật số

- Đầu tư trang thiết bị cần thiết phục vụ hội nghị trực tuyến khi họp Ban chấp hành/Ban thường vụ và các hoạt động đào tạo, tập huấn trực tuyến.

- Đầu tư/thuê các dịch vụ và sử dụng giải pháp công nghệ, điện toán đám mây, dữ liệu lớn (Big Data)... phục vụ lưu trữ các cơ sở dữ liệu (CSDL) tập trung của Công đoàn Việt Nam.

- Nâng cấp mạng, tốc độ đường truyền, mua sắm máy tính cá nhân, thiết bị công nghệ thông tin (CNTT) đảm bảo điều kiện tiêu chuẩn về hạ tầng CNTT.

4. Bảo vệ đoàn viên trong chuyển đổi số

Tăng cường vai trò là đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên trong quá trình chuyển đổi số:

- Số hóa thư viện thỏa ước lao động tập thể (TULĐTT) dưới dạng dữ liệu có cấu trúc, xây dựng các công cụ để khai thác phát huy.

- Ứng dụng CNTT, hệ thống số, trí tuệ nhân tạo (AI) trong hệ thống tư vấn, giải đáp pháp luật...

- Xây dựng hệ thống khảo sát, lấy ý kiến đoàn viên, người lao động đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

- Thiết lập hệ thống theo dõi, giám sát quá trình chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp để kịp thời phát hiện những vi phạm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động từ đó đề ra biện pháp hỗ trợ, bảo vệ đoàn viên, người lao động.

5. Phát triển dữ liệu số

Xây dựng CSDL tập trung đáp ứng các yêu cầu dữ liệu số:

- Dữ liệu điện tử dùng chung có thể chia sẻ, kết nối để tối ưu hóa việc khai thác và đảm bảo tính bảo mật đối với từng loại thông tin.

- Thu thập, số hóa các văn bản, tài liệu, chuẩn hóa và chuyển đổi các dữ liệu đang có, cần thiết thành dữ liệu điện tử nhập liệu vào CSDL tập trung.

- Hoàn thiện và phát triển thư viện pháp luật của Công đoàn Việt Nam, liên thông với hệ thống thư viện pháp luật của Quốc hội Việt Nam.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung công tác quản lý, cấp thẻ cho đoàn viên.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung đáp ứng thi đua khen thưởng, phục vụ công tác quản lý khen thưởng Công đoàn Việt Nam.

6. Đảm bảo an toàn, an ninh

- Chuyển đổi số bảo đảm gắn kết chặt chẽ với bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ thông tin cá nhân; nên cần triển khai các chương trình nâng cao nhận thức về an ninh, an toàn thông tin đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong hệ thống Công đoàn Việt Nam.
- Xây dựng hệ thống giám sát, cảnh báo và phòng chống mất an toàn mạng đáp ứng theo đúng Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/05/2018 của Thủ tướng Chính phủ.
- Triển khai sử dụng chữ ký số, đặc biệt là cho thiết bị di động tạo thuận lợi cho việc xử lý công việc qua mạng.
- Đảm bảo khả năng sao lưu dự phòng, khôi phục dữ liệu quan trọng theo các quy định hiện hành về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.
- Thực hiện tốt các quy định, quy trình quản lý an toàn thông tin, an ninh thông tin mạng theo quy định của pháp luật; tổ chức thuê dịch vụ đảm bảo an ninh mạng; định kỳ tổ chức tập huấn, diễn tập bảo đảm an toàn thông tin cho cán bộ làm công tác công đoàn các cấp. Xây dựng các quy định về vai trò và quyền khi truy cập dữ liệu ở các mức độ khác nhau.

7. Đào tạo, tập huấn

- Chuyển đổi kỹ năng số.
- Các khoá trực tuyến mở.
- Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp để đào tạo, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số, chuyển đổi số, hình thành văn hoá số:
 - + Đào tạo, tập huấn cho đối tượng là Chủ tịch/Ban Chấp hành công đoàn cơ sở về chuyển đổi số.
 - + Đào tạo, tập huấn cho cán bộ công đoàn chuyên trách các cấp.
 - + Đào tạo, đào tạo lại, nâng cao kỹ năng số cho đoàn viên, người lao động.

8. Đồng bộ các giải pháp

- Triển khai các nhiệm vụ của theo hình thức sử dụng hạ tầng, ứng dụng, hệ thống an toàn thông tin... có sẵn của chuyên môn. Các nội dung, hạng mục không có sẵn thực hiện đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin hoặc thuê dịch vụ hạ tầng công nghệ thông tin, thuê dịch vụ công nghệ thông tin, hình thức đặt hàng tùy theo từng nhiệm vụ cụ thể.
- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện kế hoạch theo định kỳ hằng năm thông qua việc tổ chức hội nghị Ban Chấp hành, hội nghị tổng kết năm.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Kiến tạo thể chế pháp lý

- Xây dựng các chính sách ưu tiên, hỗ trợ để triển khai Đề án chuyển đổi số tại Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam giai đoạn 2024-2026 và tầm nhìn 2030 như chính sách về pháp lý, nguồn vốn; chính sách ưu đãi về chế độ làm việc, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao về công nghệ thông tin và an toàn thông tin.

- Xây dựng các qui định, quy chế liên quan đến phối hợp triển khai Đề án ứng dụng CNTT, chuyển đổi số của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam như thu thập, tạo lập, cập nhật, chia sẻ dữ liệu, khai thác thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu nhằm bảo đảm khả năng tiếp cận và sử dụng cho đoàn viên, người lao động và các cấp Công đoàn Việt Nam.

- Xây dựng các cơ chế, chính sách để huy động nguồn lực của các doanh nghiệp thông qua thuê, sử dụng dịch vụ về chuyển đổi số.

- Quy định về chức danh, tiêu chuẩn đối với cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, an toàn thông tin trong hệ thống Công đoàn Việt Nam; quy định về tuyển dụng cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin để bảo đảm tuyển dụng được người có năng lực chuyên môn cao phục vụ trong cơ quan nhà nước.

- Xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể hóa các nội dung về an toàn thông tin theo hướng quy định về trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin đối với đoàn viên, người lao động và các cấp Công đoàn Việt Nam.

2. Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, kỹ năng làm việc

- Tại Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam: 100% cán bộ, công chức được trang bị máy tính cá nhân, các máy tính trong cơ quan được thiết lập thành mạng nội bộ (LAN) và kết nối Internet tốc độ cao qua đường truyền cáp quang.

- Tại Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố; Công đoàn ngành Trung ương và Liên đoàn Lao động quận, huyện; Công đoàn khu công nghiệp, khu kinh tế, chế xuất (công đoàn cấp trên cơ sở): 100% cán bộ, công chức được trang bị máy tính cá nhân, các máy tính trong cơ quan được thiết lập thành mạng nội bộ (LAN) và kết nối Internet tốc độ cao qua đường truyền cáp quang.

- Tại các công đoàn cơ sở: 100% cán bộ công đoàn chuyên trách, ủy viên Ban chấp hành/Ban thường vụ công đoàn từ cấp công đoàn cơ sở trở lên được cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp (chuyên môn) cùng cấp được trang bị máy tính cá nhân có kết nối Internet.

3. Tăng cường sử dụng các hệ thống ứng dụng số

- Hệ thống thư điện tử: 100% các ủy viên Ban chấp hành các cấp, cán bộ công đoàn chuyên trách đã có và đang sử dụng hệ thống thư điện tử để gửi, nhận văn bản điện tử cũng như phục vụ trao đổi công việc.

- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành: 100% các công đoàn trực thuộc đang sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành của chuyên môn để triển khai thực hiện trao đổi, xử lý văn bản trên môi trường mạng. Công đoàn Việt Nam thường xuyên thực hiện gửi, nhận, trao đổi văn bản qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành với công đoàn trực thuộc.

- Triển khai chữ ký số: 100% công đoàn cơ sở đã sử dụng chứng thư số cho các tổ chức và cá nhân phục vụ công việc của chuyên môn, một số công đoàn cơ sở đã có chứng thư số của tổ chức công đoàn; cán bộ làm công tác công đoàn là lãnh đạo của các cơ quan thuộc chuyên môn đã sử dụng chữ ký số của cá nhân để ký số trên văn bản điện tử.

- Hệ thống kế toán công đoàn: Đã được triển khai trong toàn bộ các cấp công đoàn từ nhiều năm nay. Tổng Liên đoàn đã có kế hoạch đầu tư, xây dựng hệ thống mới để phù hợp với các quy định mới ban hành; 100% Công đoàn Cấp trên cơ sở và Công đoàn cơ sở trực thuộc thực hiện nghĩa vụ tài chính qua tài khoản - ứng dụng Internet Banking.

- Công đoàn các cấp chủ động khai thác, tra cứu Cổng thông tin điện tử của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; www.congdoan.vn: là kênh thông tin, chia sẻ tài nguyên dữ liệu cho các công đoàn trực thuộc, đoàn viên, người lao động sử dụng. Một số công đoàn trực thuộc có chuyên mục công đoàn trên trang thông tin điện tử của chuyên môn.

- Sử dụng các mạng xã hội: Các cấp công đoàn đã sử dụng các mạng xã hội như một kênh thông tin, trao đổi... hiệu quả.

Ứng dụng việc sử dụng công nghệ thông tin vào phục vụ công việc nêu trên thì còn một số nội dung cần triển khai trong thời gian tới như: Đầu tư xây dựng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của Công đoàn Việt Nam với các công đoàn trực thuộc; xây dựng được hệ thống chia sẻ dữ liệu dùng chung, xây dựng hệ thống báo cáo điện tử giữa Công đoàn Việt Nam với công đoàn trực thuộc...

4. Nâng cao năng lực quản trị hệ sinh thái công đoàn số

- Ban hành quy định tiêu chuẩn, tuyển chọn, đào tạo và bố trí đúng, ổn định cán bộ làm kỹ thuật CNTT tại Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và các đơn vị trực thuộc đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

- Hình thành tổ chức bộ máy chuyên trách về CNTT nhằm nâng cao năng lực triển khai và hỗ trợ CNTT phục vụ cho Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố và tương đương; Liên đoàn Lao động cấp huyện và tương đương, công đoàn cơ sở, bao gồm:

+ Thành lập đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin trực thuộc Văn phòng Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam để quản lý, vận hành sau khi thực hiện xong các dự án.

+ Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố; có cơ chế bổ sung biên chế, vị trí việc làm về công nghệ thông tin.

+ Liên đoàn Lao động quận, huyện có cơ chế, chính sách trong việc triển khai về công nghệ thông tin.

5. Xác định trọng tâm của kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số

- Đoàn viên công đoàn là trung tâm của kế hoạch chuyển đổi số. Ưu tiên chuyển đổi số các hệ thống thông tin, tuyên truyền liên quan đến chế độ, chính sách về tài chính, bảo hiểm, việc làm...

- Huy động toàn bộ hệ thống của Công đoàn Việt Nam với sự tham gia của toàn thể đoàn viên, người lao động trong quá trình chuyển đổi số. Kết hợp hài hoà giữa tập trung và phân tán khi triển khai.

- Sử dụng nguồn lực, hệ thống kỹ thuật sẵn có thực hiện số hoá tài sản thông tin; tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, cơ cấu tổ chức. Chuyển đổi các mối quan hệ từ môi trường truyền thống sang môi trường số.

- Xác định đơn vị/doanh nghiệp tư vấn, hỗ trợ quá trình chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng và nền tảng phù hợp với Công đoàn Việt Nam. Thử nghiệm mô hình, cách làm mới, làm điểm, lộ trình để đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số.

- Quy định bắt buộc việc lồng ghép nội dung chuyển đổi số khi xây dựng đề án, chương trình, kế hoạch... định kỳ hàng năm thực hiện đánh giá, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chuyển đổi số để phù hợp với thực tiễn triển khai.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Đề án là: 385 tỷ đồng.

(Bằng chữ: Ba trăm tám mươi lăm tỷ đồng chẵn).

Nguồn vốn:

- Tài chính Công đoàn tích lũy của Tổng Liên đoàn.
- Tài chính Công đoàn tích lũy của LĐLĐ tỉnh, thành phố và Công đoàn ngành Trung ương.

- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Phương án đầu tư kinh phí thực hiện các hạng mục của Đề án

- Hạ tầng kỹ thuật số: phương án đi thuê dịch vụ là chủ yếu (đối với máy chủ ảo hoá, lưu trữ, an ninh an toàn,...).

- Dữ liệu: thuê các công ty, đơn vị chuyên nghiệp làm số hoá (quét ảnh, nhận dạng tiếng việt, cập nhật dữ liệu,...), làm dữ liệu (xây dựng kế hoạch số hoá, quản lý phần mềm, quản lý dữ liệu,...); khuyến khích sử dụng dữ liệu sẵn có, tập trung CSDL và đưa vào khai thác sử dụng trước.

- Đối với Liên đoàn Lao động tỉnh đã làm số hoá (theo Đề án chuyển đổi số của tỉnh) thì Đề án chuyển đổi số Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã có hoặc Đề án của tỉnh đã xây dựng và triển khai hạng mục này thì chỉ kết nối, liên thông, kế thừa và không đầu tư hạng mục đã có và triển khai rồi.

- Đối với các phần mềm nghiệp vụ: Vừa xây dựng mới nếu thị trường không có, vừa thuê các phần mềm sử dụng tốt trên thị trường (thông qua đàm phán với doanh nghiệp có phần mềm), nhưng riêng dữ liệu các phần mềm đi thuê phải do công đoàn quản lý trực tiếp và tự chủ.

3. Chủ đầu tư

Đề án triển khai thực hiện dựa trên các căn cứ pháp lý được quy định tại Luật Đầu tư công năm 2019, Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 15/9/2019 của Chính phủ về quy định quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, Nghị định số 82/NĐ-CP ngày 10/7/2024 sửa đổi bổ sung một số Điều của Nghị định số 73/2019/-NĐ-CP. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam giao

nhiệm vụ cho Ban Quản lý dự án Thiết chế Công đoàn thay mặt Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn làm chủ đầu tư các Dự án thuộc Đề án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

Tổ chức quán triệt việc triển khai Đề án chuyển đổi số trong cơ quan Tổng Liên đoàn, Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố; Công đoàn ngành trung ương và tương đương; các đơn vị kinh tế, sự nghiệp trực thuộc. Định kỳ hoặc đột xuất tổ chức họp đánh giá, kiểm điểm tiến độ triển khai Đề án để kịp thời nắm bắt tình hình triển khai và giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Đề án, báo cáo Ban chấp hành theo quy định.

2. Ban chỉ đạo Đề án chuyển đổi số

- Đoàn Chủ tịch thành lập Ban chỉ đạo Đề án chuyển đổi số ngay sau khi Đề án được phê duyệt.

Ban chỉ đạo Đề án chuyển đổi số chịu trách nhiệm tham mưu, đề xuất Đoàn Chủ tịch, Thường trực Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn, Chủ tịch Tổng Liên đoàn: chủ trương, chiến lược, cơ chế, chính sách tạo môi trường pháp lý để thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động công đoàn các cấp; chỉ đạo Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố; Công đoàn ngành trung ương và tương đương; các đơn vị kinh tế, sự nghiệp trực thuộc đẩy mạnh chuyển đổi số tại đơn vị từ khi Đề án được phê duyệt đến khi hoàn thành Đề án.

- Tham gia ý kiến về các chiến lược, chương trình, cơ chế, chính sách, đề án, dự án, nhiệm vụ, giải pháp,... liên quan đến chuyển đổi số trong hoạt động công đoàn của Tổng Liên đoàn.

- Đôn đốc, kiểm tra, đánh giá kết quả việc triển khai chiến lược, chương trình, cơ chế, chính sách, đề án, dự án tổng thể và các dự án thành phần về chuyển đổi số trong hoạt động công đoàn của Tổng Liên đoàn.

- Theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện chuyển đổi số tại Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố; Công đoàn ngành trung ương và tương đương; các đơn vị kinh tế, sự nghiệp trực thuộc. Sơ kết, đánh giá tình hình, kết quả triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về chuyển đổi số trong hoạt động công đoàn. Ngoài ra, tăng cường các hoạt động tư vấn, kiểm tra, đánh giá nhằm tham mưu kịp thời với Tổng liên đoàn trong quá trình thực hiện.

3. Văn phòng Tổng Liên đoàn

Văn phòng được giao là đơn vị đầu mối có trách nhiệm tham mưu lộ trình thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động công đoàn, có trách nhiệm:

- Chủ trì hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án đảm bảo đúng mục tiêu, nội dung được duyệt; Phối hợp với Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố; Công đoàn ngành trung ương và tương

đương; các đơn vị kinh tế, sự nghiệp trực thuộc để triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số đồng bộ trong hoạt động công đoàn;

- Phối hợp với Ban Quản lý dự án thiết chế Công đoàn báo cáo Ban chỉ đạo chuyển đổi số của Tổng liên đoàn tình hình triển khai Đề án, các dự án theo quy định và đề xuất Ban Chỉ đạo các giải pháp khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ phù hợp với tình hình thực tiễn chuyển đổi số trong từng giai đoạn, hàng năm.

4. Ban Quản lý dự án thiết chế Công đoàn

- Thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư dự án thành phần của Đề án theo nhiệm vụ, chức năng của Ban Quản lý dự án thiết chế Công đoàn đã quy định tại Quyết định số 1784/QĐ-TLĐ ngày 27/9/2024 và Quyết định số 1785/QĐ-TLĐ ngày 27/9/2024 của Tổng Liên đoàn.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Tài chính, Văn phòng Tổng Liên đoàn và các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án, trình Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn xem xét, phê duyệt kế hoạch sử dụng vốn và kinh phí thực hiện để làm căn cứ thực hiện các nội dung về thủ tục chuẩn bị đầu tư, triển khai đầu tư các dự án theo nhiệm vụ của Đề án;

- Báo cáo Ban chỉ đạo chuyển đổi số của Tổng Liên đoàn tình hình triển khai các dự án thành phần thuộc Đề án theo quy định và đề xuất Ban Chỉ đạo các giải pháp khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ phù hợp với tình hình thực tiễn chuyển đổi số trong từng giai đoạn, hàng năm.

5. Các Ban chức năng trực thuộc Tổng Liên đoàn

- Xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai trong các hoạt động, nhiệm vụ chuyển đổi số theo lĩnh vực công tác đã được phân công.

- Thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư theo lĩnh vực chuyên môn của Ban khi được Tổng Liên đoàn giao.

- Chủ trì, Phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch thực hiện Đề án được phê duyệt.

6. Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương và tương đương, các đơn vị kinh tế, sự nghiệp trực thuộc

Chủ động sắp xếp nguồn lực (kinh phí, nhân lực,...), tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ và đúng tiến độ kế hoạch.

Phối hợp với Văn phòng Tổng liên đoàn, Ban Quản lý dự án thiết chế Công đoàn và các Ban chức năng và các đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ nêu trong Đề án nhằm đảm bảo tính đồng bộ, khả năng tích hợp và chia sẻ dữ liệu các cấp.

7. Liên đoàn Lao động quận, huyện và tương đương

Chủ động sắp xếp nguồn nhân lực, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ và đúng tiến độ.

Thực hiện chỉ đạo của Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố; Công đoàn ngành trung ương và tương đương để thực hiện các nhiệm vụ nêu trong Đề án nhằm đảm bảo tính đồng bộ, khả năng tích hợp và chia sẻ dữ liệu các cấp.

8. Công đoàn cơ sở

Chủ động sắp xếp thời gian, nguồn nhân lực, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ và đúng tiến độ;

Thực hiện chỉ đạo của Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố; Công đoàn ngành trung ương và tương đương, công đoàn cấp trên trực tiếp để thực hiện các nhiệm vụ nêu trong Đề án nhằm đảm bảo tính đồng bộ, khả năng tích hợp và chia sẻ dữ liệu các cấp.

9. Các đơn vị liên quan khác thuộc phạm vi triển khai Đề án

Có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng Tổng Liên đoàn, Ban Quản lý dự án thiết chế Công đoàn và các đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện Đề án. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp, công nghệ số nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động công đoàn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Văn phòng, Ban Quản lý dự án thiết chế Công đoàn, các ban, Văn phòng Ủy ban Kiểm tra Tổng Liên đoàn; Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương và tương đương; các đơn vị trực thuộc Tổng Liên đoàn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch TLĐ (để b/c);
- TT ĐCT TLĐ (để b/c);
- Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Lưu: VT, TC. 

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH** 



Phan Văn Anh

